

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HS-ST

Ngày: 21-7-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thùy Châu và ông Trần Ngọc Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thê Nữ Diệu Hiền - Thư ký của
Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 12/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/HSST-QĐ ngày 22/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Xuân N, sinh năm 1996 tại TP. Q, tỉnh Bình Định; Nơi ĐKNKTT: T62, KV 7, phường N, TP. Q, tỉnh Bình Định; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Xuân V, sinh năm: 1972 và bà: Trương Thị N, sinh năm: 1975; Vợ: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm: 1997, có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án: Ngày 16/3/2017 bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 15 tháng tù về “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 12/02/2018; Ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 27/12/2020; tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 26/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/11/2022, hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1978 “vắng mặt”

Trú tại: T10, KV 2, phường Đ, TP. Q, Bình Định.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đình Hữu V, sinh năm: 1995 “vắng mặt”

Trú tại: T10, KV 2, phường Đ, TP. Q, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/11/2022, Lê Xuân N đi bộ dọc theo tuyến đường T, TP. Q tìm nhà dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến hẻm 930 đường T, TP. Q, N đi bộ vào trong hẻm thì nhìn thấy trong sân trụ sở khu phố 2, phường Đ, TP. Q có dựng nhiều xe mô tô, xe đạp không có người trông coi, cổng trụ sở có đóng cửa nhưng không khoá. N mở cổng trụ sở khu phố 2, đi vào bên trong sân lén lút dắt xe đạp màu đen, loại Touring Momentum Z3 ineed của chị Trần Thị Thu T (đang để tại trụ sở khu phố 2, phường Đ) ra khỏi cổng rồi điều khiển xe bỏ đi. N đi trên đường T về hướng Cầu Đôi, khi đi đến đoạn trước cửa hàng Thế giới di động – Điện máy xanh trên đường T, N thấy một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) nhặt ve chai ven đường nên đứng lại, hỏi người này có mua xe đạp không. Người phụ nữ hỏi N: “Xe ở đâu mà bán?”, N nói: “xe của con chứ đâu”, nghe vậy, người phụ nữ đồng ý mua xe rồi gọi điện cho chồng. Một lúc sau, có một người đàn ông (là chồng của người phụ nữ nhặt ve chai) điều khiển xe mô tô đến đưa cho N số tiền 60.000 đồng rồi nhận xe đạp. Số tiền có được, N sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận: 01 xe đạp màu đen, kiểu dáng thể thao, loại Touring momentum Z3 ineed, không có yên sau, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.700.000 đồng.

Vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ 01 đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video ghi nhận hình ảnh Lê Xuân N lén lút chiếm đoạt tài sản, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: bị hại Trần Thị Thu T yêu cầu bồi thường số tiền 4.700.000 đồng, Lê Xuân N chưa bồi thường.

- Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKSQN ngày 10/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Lê Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Lê Xuân N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân N từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù theo bản án số 18/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị Thu T 4.700.000 đồng.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo Lê Xuân N thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Xuân N là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và cần xử lý nghiêm minh, nhưng với ý thức xem thường pháp luật, tham lam, muốn có tiền tiêu xài nhưng chây lười lao động nên vào khoảng 19 giờ 30 phút

ngày 11/11/2022, bị cáo đến Trụ sở khu vực 2, phường Đ, TP. Q lén lút chiếm đoạt 01 xe đạp màu đen, loại Touring Momentum Z3 ineed của chị Trần Thị Thu T để tại đây. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì chiếc xe đạp bị cáo đã trộm cắp có trị giá là 4.700.000 đồng. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Lê Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương, **bị cáo nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù đều về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, sau khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước khởi tố vụ án bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo rất khó cải tạo, giáo dục** nên cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

4.1. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một mức án có lý có tình để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước (Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 61/2023/HSPT-QĐ ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định) nên HĐXX căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo chiếm đoạt xe đạp của bị hại Trần Thị Thu T bán cho người khác, hiện không thu hồi được tài sản, chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo giá trị định giá tài sản là 4.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị T số tiền trên.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh bị cáo trộm cắp tài sản vào ngày 11/11/2022 tại Trụ

sở khu phố 2, phường Đ, TP. Quy Nhơn. Xét thấy, đây là chứng cứ của vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về vấn đề khác: Sau khi trộm cắp xe đạp bị cáo Lê Xuân N đã bán cho vợ chồng một người phụ nữ mua ve chai nhưng hiện chưa xác định được lai lịch của những người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Quy Nhơn tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Xuân N 18 (mười tám) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” của bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022.
3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Thu T 4.700.000 (Bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.
Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được quyền yêu cầu bồi thường, hoàn trả có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi hành không trả hoặc trả không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Bị hại** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- CQ THAHS CA TP. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TP. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TP. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thùy Châu Trần Ngọc Hòa

Phạm Thị Hồng Diễm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- CQ THAHS CA TP. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TP. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TP. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.